TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/DS-ST.
Ngày: 16-01-2024.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Bé.

Ông Đinh Ngọc Dình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng- Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 347/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 248/2023/QĐXXST-DS, ngày 05 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Đ, sinh năm 1968, địa chỉ: Số nhà 344/5, ấp 5, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (yêu cầu xét xử vắng mặt)

Bị đơn:

1. Bà Lê Thị T, sinh năm 1963. (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1980. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số nhà 201/6, ấp L, xã Long Trì, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày trong đơn khởi kiện, trong bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án:

Ngày 16/9/2021, bà T và ông L (con bà T) có vay của bà Đ số tiền là 15.000.000 đồng, thoả thuận miệng lãi suất là 5%/tháng, thời hạn vay là 3 tháng. Ông L có ký xác nhận trong giấy mượn tiền ngày 10/8/2021 âm lịch (ngày 16/9/2021 dương lịch), khi vay tiền không có mặt bà T, ông L có cung cấp bản sao căn cước công dân của bà T. Sau khi vay tiền, bà T và ông L không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay và tiền lãi đúng theo thoả thuận, bà T và ông L không trả tiền vay và tiền lãi cho bà Đ.

Nay bà Đ yêu cầu bà T và ông L liên đới trả cho bà Đ số tiền vay là 15.000.000 đồng, tiền lãi là 3.300.000 đồng (tiền lãi tính từ ngày 16/9/2021 đến ngày 16/7/2023 là 22 tháng, với mức lãi suất 1%/tháng). Tổng cộng tiền vốn vay và lãi là 18.300.000 đồng.

Bị đơn là bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn L không tham gia tố tụng, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các đương sự không còn trình bày hay yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn kiện bị đơn tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An thụ lý giải quyết.

[2] Nguyên đơn là bà Vũ Thị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với bà Vũ Thị Đ, bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn L.

[3] Bà Vũ Thị Đ và ông Nguyễn Văn L xác lập hợp đồng vay tài sản, vay có lãi, có kỳ hạn. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn nợ là 15.000.000 đồng, tiền lãi là 3.300.000 đồng (tiền lãi tính từ ngày 16/9/2021 đến ngày 16/7/2023 là 22 tháng, với mức lãi suất 1%/tháng). Tổng cộng tiền vốn vay và lãi là 18.300.000 đồng. Bị đơn là bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn L không tham gia tố tụng, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn cung cấp được chứng cứ là giấy mượn tiền ngày 10/8/2021 âm lịch (ngày 16/9/2021 dương lịch), ông Nguyễn Văn L có ký xác nhận trong giấy mượn tiền, bà Lê Thị T không ký xác nhận trong giấy mượn tiền. Hội đồng xét xử xét thấy, theo trình bày của nguyên đơn và giấy mượn tiền thì chỉ có ông Nguyễn Văn L vay tiền của nguyên đơn, giấy mượn tiền do nguyên đơn viết, ông Nguyễn Văn L ký tên, lúc vay tiền không có mặt bà Lê Thị T, bà Lê Thị T không ký giấy mượn tiền. Ông Nguyễn Văn L đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận giữa các bên, yêu cầu của nguyên đơn là có phần có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vay là 15.000.000 đồng và tiền lãi là 3.300.000 đồng, tổng tiền vay và tiền lãi là 18.300.000 đồng. Ông Nguyễn Văn L còn phải chịu tiền lãi nếu như chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Lê Thị T có nghĩa vụ liên đới trả tiền cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 288 của Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận, ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Lê Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 288, 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Vũ Thị Đ về việc yêu cầu trả tiền vay và tiền lãi, buộc ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ trả cho bà Vũ Thị Đ số tiền vay là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) và tiền lãi là 3.300.000 đồng (ba triệu ba trăm nghìn đồng), tổng tiền vay và tiền lãi là 18.300.000 đồng (mười tám triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi trên số tiền vay còn nợ (không tính lãi trên tiền lãi) với lãi suất là 20%/năm, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền vay chậm thi hành án.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Vũ Thị Đ về việc yêu cầu bà Lê Thị T có nghĩa vụ liên đới cùng ông Nguyễn Văn L trả tiền cho bà Vũ Thị Đ.

2. Về án phí: Bà Vũ Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà Vũ Thị Đ đã nộp là 458.000 đồng (bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006536 ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An, trả lại cho bà Vũ Thị Đ số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 158.000 đồng (một trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 915.000 đồng (chín trăm mười lăm nghìn đồng).

Bà Lê Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Bà Vũ Thị Đ, bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Tòa án tỉnh;
-Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
-Cơ quan thi hành án huyện Châu Thành;
-Các đương sự;
-L (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Tùng